

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HSST

Ngày: 13/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Duy Niên

2. Bà Đoàn Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuyên Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Việt Thuận, huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2018/TLST- HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc S, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1988; Nơi sinh và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T, đã chết và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 02 tiền án: Bản án số 207/2013/HSST ngày 10/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 29/6/2015.

Bản án số 47/2016/HSST ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 31/5/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định số 127/QĐ-UB ngày 22/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh Thái Bình về việc áp dụng biện pháp đưa Phạm Ngọc S vào cơ sở giáo dục Thanh Hà, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thời gian 02 năm. Chấp hành xong ngày 23/11/2012. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, *trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

2. Nguyễn Thành L, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1988; Nơi sinh và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1968; có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư về việc áp dụng biện pháp đưa người vào Trung tâm 05-06 của tỉnh Thái Bình. Thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 21/6/2012. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, *trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

* *Người bị hại:* Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1948, nơi cư trú thôn N, xã SS, huyện V, tỉnh Thái Bình (*Có mặt*)

* *Người làm chứng:*

1. Anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1970, nơi cư trú: Số 19 H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 13/8/2018, Phạm Ngọc S và Nguyễn Thành L cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản. S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA- DREAM biển số đăng ký 17H2-5730 chở Luân ngồi sau cầm theo một chiếc gậy có một đầu buộc dây hình tròn đi trên đường 454 hướng từ xã M về xã S. Khi đến ngã tư gần Ủy ban nhân dân xã S, S rẽ phải vào đường liên thôn xã S hướng lên đê S được khoảng 01 km và rẽ phải đi được khoảng 200 m đến trước cửa nhà ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1948, trú tại thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình thì S phát hiện thấy nhà ông Phạm Ngọc T có một cửa ở phòng phía hông nhà không khóa chỉ khép hờ, thấy có sở hờ nên S nảy sinh ý định vào nhà ông T để trộm cắp tài sản. S nói với L “ở ngoài trông, có ai thì bảo tao”, L hiểu ý S vào trộm cắp nhà ông T nên đồng ý đứng ngoài canh coi, cảnh giới. S xuống xe đi bộ lại dậu xây thẳng cửa phòng đang mở rồi trèo qua tường dậu cao 1,6 m vào trong khuôn viên nhà ông T. S đi lại dùng tay trái mở cánh cửa

đang mở hờ, đi vào trong phòng ngủ của anh T1 con trai ông T, thấy có người đang ngủ trên giường nên S đi nhẹ nhàng qua cửa phòng ngủ ra phòng khách. Tại phòng khách S tìm nhưng không thấy tài sản gì giá trị. Sơn tiếp tục đi vào phòng ngủ của ông T cạnh phòng ăn. Khi vào trong phòng, S quan sát phát hiện thấy trên giường ngủ có một chiếc túi màu đen, S lấy chiếc túi kiểm tra thì thấy trong túi có một chiếc camera nhãn hiệu SONY màu đen, S xách chiếc túi đựng camera đi ra phòng khách rồi đến phòng ngủ của anh T. Tại phòng ngủ của anh T, S quan sát thấy trên bàn cạnh giường ngủ có một chiếc túi màu đen, S lấy kiểm tra bên trong túi thấy có một máy tính xách tay nhãn hiệu DELL và một số giấy tờ. S bỏ chiếc máy tính xách tay vào túi rồi xách cả hai chiếc túi đi qua cửa phụ chái phía đông ra ngoài. Sau đó S đi lại tường đầu đưa hai chiếc túi qua bờ tường cho L ở ngoài cầm rồi định quay vào nhà tìm tài sản tiếp thì thấy trong nhà có người dậy nên S treo qua tường đầu ra ngoài. L thấy S ra đã nổ máy và điều khiển xe chở S ngồi phía sau xách hai chiếc túi vừa trộm cắp được đi đến nghĩa trang thôn B và rẽ vào khu vực phần mộ của ông Đ, bà Th để kiểm tra tài sản trong hai túi. L dùng điện thoại bật đèn soi để S mở hai chiếc túi thấy bên trong có một máy tính xách tay nhãn hiệu DELL và 01 túi hồ sơ mang tên Phạm Ngọc T1, sinh năm 1984, trú tại phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu, bên trong có: 01bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, 01 bằng tốt nghiệp đại học, 01 chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đầu thầu đều là bản phô tô công chứng; 01 bằng tốt nghiệp đại học bản chính, 01 Sơ yếu lý lịch tự thuật, 01 giấy khám sức khỏe đều mang tên Phạm Ngọc T1; 01 túi đựng bìa nilon cứng, bên trong có: 01Hợp đồng số 07/HĐ-XD giao nhận gói thầu máy phát điện dự phòng, 01 Hợp đồng số 15/HĐ-XD giao nhận gói thầu hệ thống điện nhẹ, 01 Hợp đồng số 16/HĐ-XD giao nhận gói thầu hệ thống điều hòa khí. Sơn bỏ chiếc máy tính vào túi, còn số giấy tờ vứt lại nghĩa trang cạnh phần mộ bà C . Kiểm tra chiếc túi còn lại thấy trong túi có một chiếc camera nhãn hiệu SONY, L bỏ chiếc camera vào túi. Sau đó L điều khiển xe chở S xách hai chiếc túi đựng máy tính xách tay và chiếc camera đi về hướng cầu T sang tỉnh Nam Định để bán tài sản vừa trộm cắp.

Đến khoảng 7 giờ ngày 14/8/2018, L điều khiển xe chở S đến quán sửa chữa máy tính B số 201đường Q, thành phố N và bán chiếc máy tính cho anh Đỗ Thanh B được 2.500.000đồng. Sau đó, L và S đến một quán máy ảnh trên địa bàn thành phố N, không nhớ rõ địa chỉ cụ thể bán chiếc camera được 1.000.000đ. Số tiền bán tài sản trộm cắp, S và L chia nhau, mỗi người được 1.700.000đồng, đã chi tiêu cá nhân hết, còn lại 100.000đồng mua xăng và nước uống chung.

Anh Đỗ Thanh B sau khi mua chiếc máy tính của L và S, đến 14 giờ ngày 14/8/2018 đã bán cho một nam giới không quen biết giá 3.000.000đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Đơn trình báo và lời khai người bị hại; Các sơ đồ và biên bản xác định hiện trường do Cơ quan điều tra Công an huyện Vũ Thư lập tại nhà ông Phạm Ngọc T trú tại thôn N, xã S hồi 11 giờ 10 phút ngày 14/8/2018; tại nghĩa trang thôn B, xã M hồi 14 giờ 00 phút ngày 16/8/2018; Biên bản truy tìm vật chứng do Cơ quan điều tra Công an huyện Vũ Thư lập tại nghĩa trang thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình hồi 15 giờ ngày 16/8/2018; Lời khai của người làm chứng: Anh Đỗ Thanh B đều thể hiện như lời khai của bị cáo.

Bản kết luận định giá tài sản số 27/KLHD ngày 23/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũ Thư kết luận: “1. Giá trị 01 (một) Camera dùng cho quay phim, chụp ảnh nhãn hiệu Sony màu đen mua năm 2014, đã qua sử dụng (định giá trên hồ sơ) tại thời điểm định giá là 3.117.000đồng;

2. Giá trị 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu ghi xám đậm, màn hình kích thước 15 inch mua năm 2013, đã qua sử dụng (định giá trên hồ sơ) tại thời điểm định giá là 2.500.000đồng.

Tổng giá trị còn lại tại thời điểm định giá là 5.617.000đồng (Bằng chữ: Năm triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng) ”.

Bản cáo trạng số 71/CT-VKSVT ngày 23/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố đối với bị cáo Phạm Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hai bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Phạm Ngọc S: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/9/2018.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành L: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/9/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và gia đình hai bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì khác đề nghị Tòa không xét.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho ông Phạm Ngọc T các giấy tờ gồm: 01bằng tốt nghiệp trung học phổ thông bản phô tô công chứng, 01 bằng tốt nghiệp đại học bản phô tô công chứng, 01 chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu bản phô tô công chứng; 01 bằng tốt nghiệp đại học bản chính, 01 Sơ yếu lý lịch tự thuật, 01 giấy khám sức khỏe tất cả giấy tờ này đều mang tên Phạm Ngọc T1; 01Hợp đồng số 07/HĐ-XD giao nhận gói thầu máy phát điện dự phòng, 01 Hợp đồng số 15/HĐ-XD giao nhận gói thầu hệ thống điện nhẹ, 01 Hợp đồng số 16/HĐ-XD giao nhận gói thầu hệ thống điều hòa khí.

Bị cáo S và bị cáo L nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được sai phạm và xin lỗi người bị hại. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Trong phần tranh luận bị cáo S và bị cáo L không bổ sung gì thêm, không tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo thừa nhận việc truy tố và đưa các bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng

Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án và là chứng cứ buộc tội lẫn nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng và còn được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai người bị hại; Các sơ đồ và biên bản xác định hiện trường; Bản kết luận định giá tài sản số 27/KLHĐ ngày 23/8/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 14/8/ 2018, Phạm Ngọc S và Nguyễn Thành L lợi dụng sơ hở đã đột nhập vào nhà ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1948, trú tại thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình trộm cắp 01 chiếc Camera nhãn hiệu Sony trị giá 3.117.000đồng và 01 chiếc máy tính xách tay

nhãn hiệu Dell trị giá 2.500.000đồng. Tổng trị giá tài sản S và L trộm cắp là 5.617.000đồng, đem bán được 3.500.000đồng, chia nhau chi tiêu hết.

Hành vi trộm cắp tài sản là chiếc camera và chiếc máy tính xách tay có tổng trị giá 5.617.000đồng nêu trên của hai bị cáo Phạm Ngọc S và Nguyễn Thành L là nguy hiểm cho xã hội. Mục đích của các bị cáo là chiếm đoạt tài sản. Đây là người đã trưởng thành, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, các bị cáo nhận thức rõ được việc lợi dụng sơ hở của gia đình ông T để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự, trị an xã hội. Bị cáo Phạm Ngọc S phạm tội khi đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp “ tái phạm nguy hiểm ”, bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Ngọc S và Nguyễn Thành L có tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đã rủ và hẹn nhau đi trộm mèo, nhưng trên đường đi các bị cáo lại phát hiện ra sơ hở tại nhà ông Phạm Ngọc T nên đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông T rồi đem bán tài sản trộm cắp để ăn chia cùng nhau. Do vậy các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”.

Phạm Ngọc S là người đã trực tiếp thực hiện việc đột nhập vào nhà bị hại, tìm tài sản để trộm cắp và là người trực tiếp lấy chiếc camera và chiếc máy tính xách tay từ trong nhà ông Phạm Ngọc T mang ra đưa cho bị cáo L. Sau khi lấy được chiếc camera và chiếc máy tính xách tay, S còn ý định quay trở lại vào nhà ông T để tiếp tục tìm tài sản trộm cắp khi trong nhà ông T đang có người ngủ. Điều này thể hiện bị cáo rất táo bạo, liều lĩnh, bất chấp mọi hậu quả xấu có thể xảy ra.

Nguyễn Thành L là người chủ động đi xe máy đến đón S, chở S đi tìm kiếm sơ hở và khi đến khu vực nhà ông T đã đồng ý tiếp nhận ý chí của S để canh coi, cảnh giới cho S thực hiện tội phạm, cùng S tẩu tán tài sản trộm cắp và là người trực tiếp giao dịch để bán các tài sản trộm cắp. Do vậy, hành vi của L đã đồng phạm với S về tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án. Tuy nhiên, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo S có tính chất liều lĩnh, mạnh động hơn.

Xét về hậu quả, hành vi chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp của bị cáo S và bị cáo L đối với gia đình ông Phạm Ngọc T đã gây tâm lý hoang mang lo lắng cho chủ sở hữu tài sản và quần chúng nhân dân, đồng thời làm mất an ninh - trật tự xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Phạm Ngọc S có nhân thân xấu, đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục Thanh Hà, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thời gian 02 năm. Tuy đã chấp hành xong ngày 23/11/2012 nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại phạm tội và nhiều lần bị đưa ra xét xử. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, đã vận động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người bị hại đã viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thành L có nhân thân xấu, đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm 05-06 của tỉnh Thái Bình. Đã chấp hành xong ngày 21/6/2012 nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại phạm tội. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã vận động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và người bị hại đã viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo một hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo; cần buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhất định mới đủ để giáo dục và cải tạo các bị cáo thành người có ích cho xã hội và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm trong xã hội hiện nay.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”.

Xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Phạm Ngọc T và gia đình hai bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản theo kết quả định giá là 5.617.000đồng. Người bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì khác nên Tòa không xét.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với các giấy tờ gồm: 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông bản phô tô công chứng, 01 bằng tốt nghiệp đại học bản phô tô công chứng, 01 chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu bản phô tô công chứng; 01 bằng tốt nghiệp đại học bản

chính, 01 Sơ yếu lý lịch tự thuật, 01 giấy khám sức khỏe tất cả giấy tờ này đều mang tên Phạm Ngọc T1, sinh năm 1984; 01Hợp đồng số 07/HĐ-XD giao nhận gói thầu máy phát điện dự phòng, 01 Hợp đồng số 15/HĐ-XD giao nhận gói thầu hệ thống điện nhẹ, 01 Hợp đồng số 16/HĐ-XD giao nhận gói thầu hệ thống điều hòa khí xét thấy không cần tiếp tục quản lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho ông Phạm Ngọc T ngày 05/9/2018 (theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2018 giữa ông Phạm Ngọc T và anh Phạm Ngọc T1).

Xét việc xử lý vật chứng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu ghi xám đậm, màn hình kích thước 15 inch các bị cáo đã bán cho anh Đỗ Thanh B, anh B đã bán cho khách nên không thu hồi được, không có căn cứ xử lý.

- Đối với chiếc Camera nhãn hiệu Sony màu đen các bị cáo đã bán nhưng không nhớ địa chỉ của cửa hàng và người mua nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda – Dream màu sơn nâu, biển số đăng ký 17 H2- 5730, các bị cáo làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Qua tài liệu điều tra xác minh xe mang tên ông Nguyễn Hữu V, trú tại thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do chưa xác minh làm rõ được nguồn gốc xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư tách ra tiếp tục quản lý xác minh, làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, người bị hại có 15 ngày kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc S và Nguyễn Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: - Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và gia đình các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho nhau xong và không có đề nghị gì khác nên không đặt ra giải quyết.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1948, trú tại thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2018 giữa ông Phạm Ngọc T và anh Phạm Ngọc T1) các giấy tờ gồm: 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông bản phô tô công chứng, 01 bằng tốt nghiệp đại học bản phô tô công chứng, 01 chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu bản phô tô công chứng; 01 bằng tốt nghiệp đại học bản chính, 01 Sơ yếu lý lịch tự thuật, 01 giấy khám sức khỏe tất cả giấy tờ này đều mang tên Phạm Ngọc T1, sinh năm 1984; 01 Hợp đồng số 07/HĐ-XD giao nhận gói thầu máy phát điện dự phòng, 01 Hợp đồng số 15/HĐ-XD giao nhận gói thầu hệ thống điện nhẹ, 01 Hợp đồng số 16/HĐ-XD giao nhận gói thầu hệ thống điều hòa khí (*biên bản trả lại tài sản lập hồi 14 giờ ngày 05/9/2018 - Bút lục số 73*).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Phạm Ngọc S và Nguyễn Thành L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Án xử công khai, sơ thẩm. Có mặt các bị cáo và người bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/11/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Vũ Thư;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, người bị hại;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

